

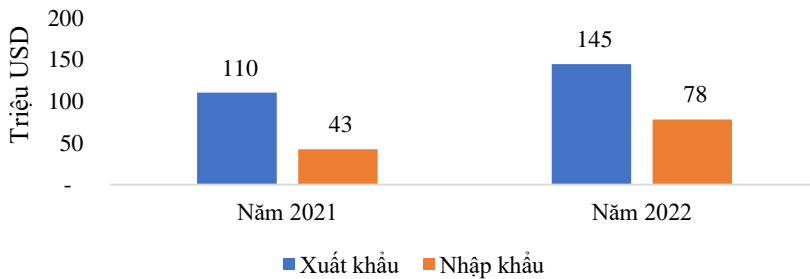
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

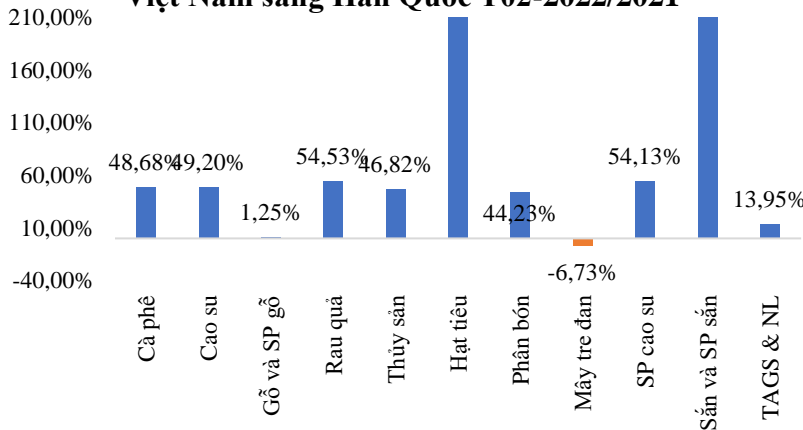
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T02-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T02-2022/2021**

Xuất khẩu	▲ 31,04 %
Nhập khẩu	▲ 83,60 %

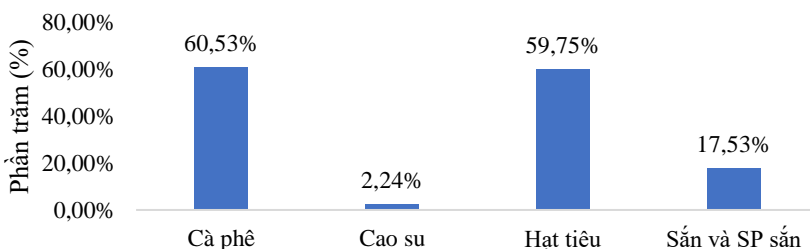
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T02-2022/2021**



So sánh T02-2022/2021

Cà phê	▲ 48,68%
Cao su	▲ 49,20%
Gỗ và SP gỗ	▲ 1,25%
Hàng rau quả	▲ 54,53%
Hàng thủy sản	▲ 46,82%
Hạt tiêu	▲ 224,52%
Phân bón	▲ 44,23%
Máy tre đan	▼ 6,73%
SP từ cao su	▲ 54,13%
Sản và SP sản	▲ 1013,67%
TAGS & NL	▲ 13,95%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân
T02-2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T02-2022/2021**

Cà phê	▲ 60,53%
Cao su	▲ 2,24%
Hạt tiêu	▲ 59,75%
Sản và SP sản	▲ 17,53%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) dự báo tiếp nối đà tăng trưởng trong năm ngoái, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc sẽ đạt 3% trong năm nay và 2,6% vào năm sau. Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc mà ADB đưa ra lần này tương tự mức dự báo được Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đưa ra hồi tháng 1 năm nay và của Ngân hàng trung ương Hàn Quốc trong tháng 2.

ADB giải thích kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng nhờ sự phục hồi của tiêu dùng tư nhân do thị trường tuyển dụng cải thiện, các nước nới lỏng biện pháp hạn chế di chuyển, cùng với đó là đà tăng trưởng xuất khẩu nhờ kinh tế của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc phục hồi. Tỷ lệ tăng giá tiêu dùng của Hàn Quốc dự kiến sẽ đạt 3,2% trong năm nay và 2% trong năm tới do các yếu tố nhất thời như giá dầu và giá thực phẩm tăng cao.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết trong 2 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc đã nhập khẩu 84.200 tấn cao su với các mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005; trị giá 177,74 triệu USD, giảm 0,4% về lượng, nhưng tăng 8,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Đặc biệt, Thái Lan, Indonesia, Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản là 5 thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Hàn Quốc. Cũng theo Cục Xuất nhập khẩu, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 3 cho Hàn Quốc.

Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, bạch tuộc là sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc năm 2021, trong đó nhiều nhất là các sản phẩm bạch tuộc đông lạnh chiếm tới 78% tổng giá trị xuất khẩu. Việc được hưởng ưu đãi thuế quan 0% giúp Việt Nam tăng bạch tuộc tươi/sống và đông lạnh sang thị trường Hàn Quốc. Trái lại, xuất khẩu các sản phẩm mực khô/nướng và mực tươi/sống/đông lạnh giảm lần lượt 23% và 7%. Giá trị xuất khẩu hai nhóm sản phẩm bạch tuộc chế biến và bạch tuộc khô, muối, sống, tươi, đông lạnh tăng lần lượt 3% và 13%. Xuất khẩu mực chế biến tăng mạnh nhất 52%.

Hàn Quốc chủ yếu nhập khẩu từ Việt Nam bạch tuộc cắt đông lạnh, bạch tuộc nguyên con làm sạch đông lạnh, bạch tuộc cắt khúc ướp đá, bạch tuộc chế biến đông lạnh, mực khô lột da, mực chế biến làm sạch đông lạnh, mực sushi đông lạnh, mực nang phile làm sạch đông lạnh, mực nang nguyên con làm sạch đông lạnh, mực cắt trái thông đông lạnh, mực nút đông lạnh...

Việt Nam đứng thứ 2 về cung cấp mực, bạch tuộc cho Hàn Quốc, sau Trung Quốc. Bạch tuộc đông lạnh là sản phẩm được nhập khẩu nhiều nhất vào Hàn Quốc, chiếm 39% tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm mực, bạch tuộc vào thị trường này.

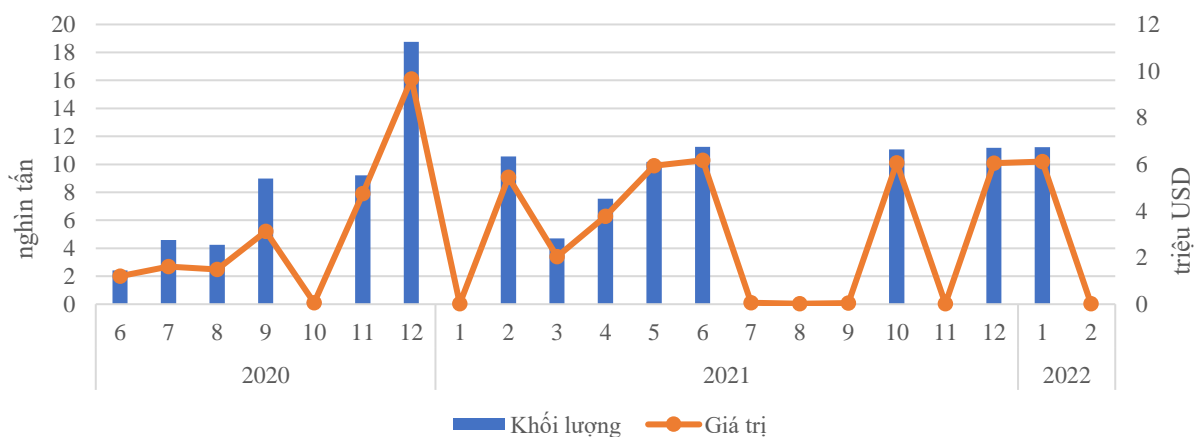
Tháng 02/2022, Việt Nam xuất khẩu 144,5 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 31,0% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 35,8%, thứ hai là gỗ và sản phẩm gỗ với 33,5%, rau quả chiếm 8,1%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, chỉ mây tre đan là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu được 44 tấn gạo, trị giá 21,5 nghìn USD sang Hàn Quốc, giảm 99,6% về khối lượng và 99,6% về giá trị so với tháng trước; và giảm 99,6% về khối lượng và 99,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

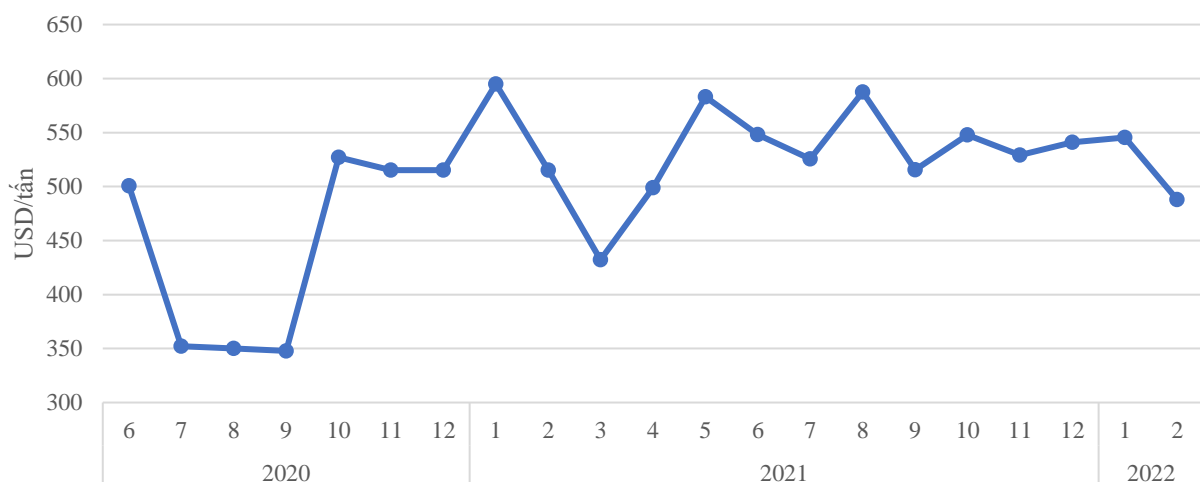
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 2/2022 đạt 487,9 USD/tấn, giảm 10,5% so với tháng trước và 5.3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

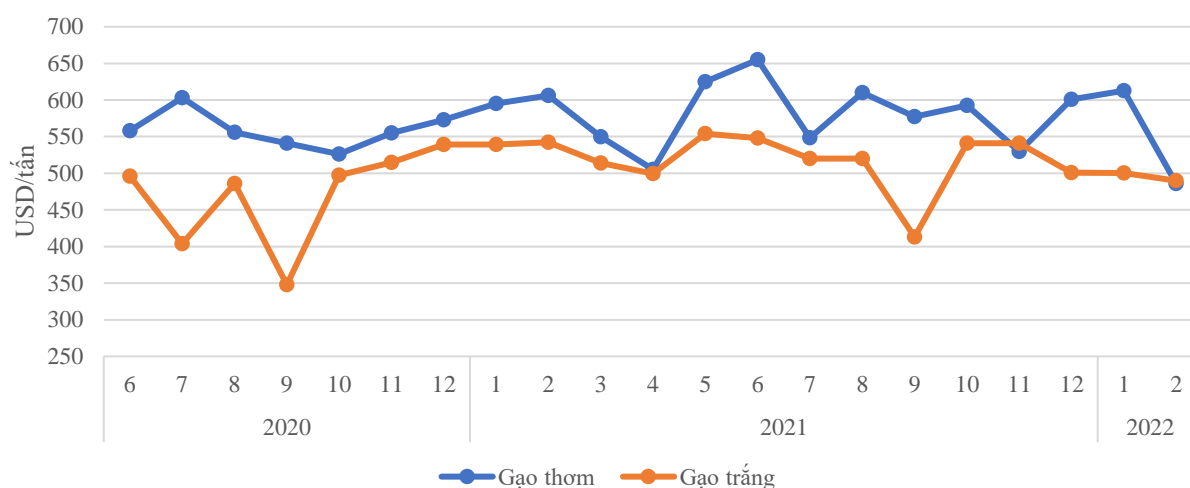


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 86,4% về khối lượng và 85,8% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng.

Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 486,0 USD/tấn, giảm 20,7% so với tháng trước và 19,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo trắng đạt 490,0 USD/tấn, giảm 2,0% so với tháng trước và 9,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

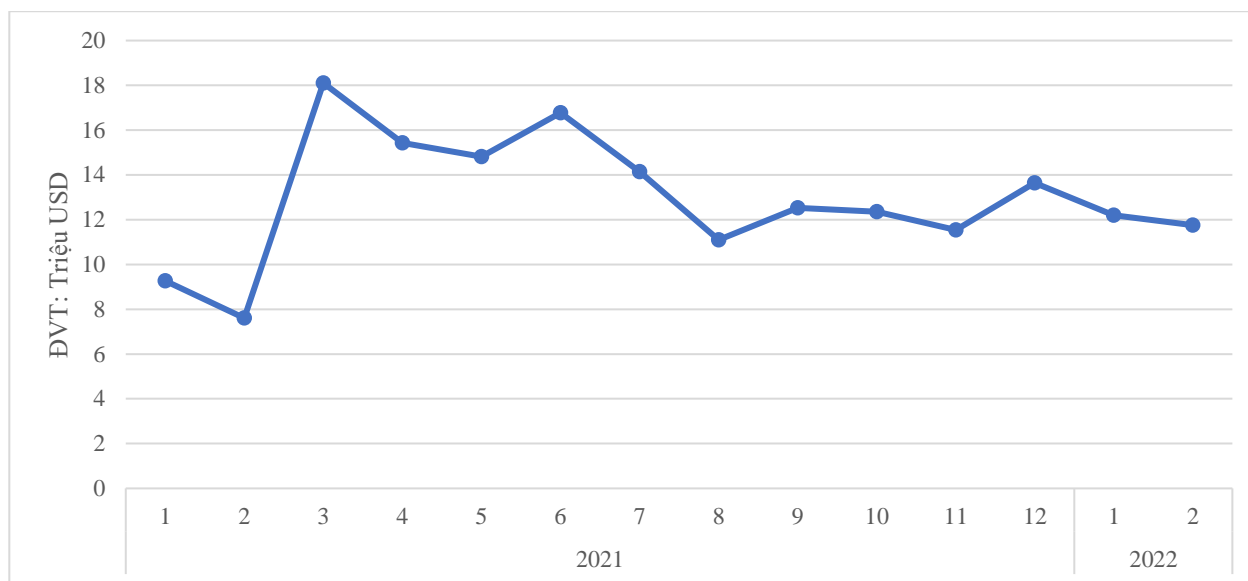
Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

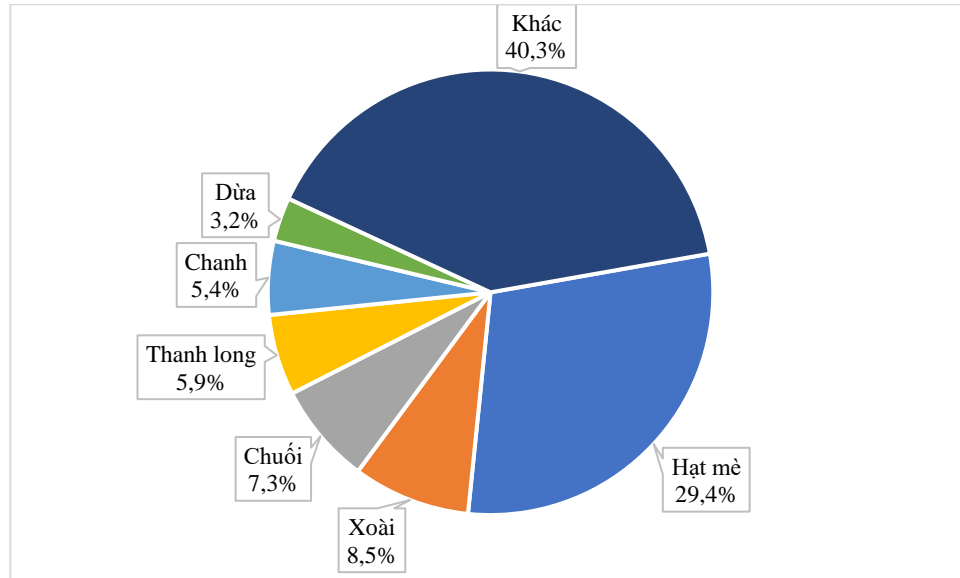
Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 2 năm 2022 đạt 11,8 triệu USD, chiếm 5,4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 3,6% so với tháng trước và tăng 54,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 23,96 triệu USD (chiếm 4,7% thị phần), tăng 42,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 2 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 5,2 triệu USD (chiếm 44,5% thị phần, tăng 92,9% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,5 triệu USD (chiếm 55,5% thị phần), tăng 33,2%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 3,9 triệu USD, tăng 27,0% so với cùng kỳ năm trước; (ii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 448,6 nghìn USD (tăng 7,8%); (iii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 307,7 nghìn USD (tăng 192,1%); v.v.

Trong tháng 2 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 3,5 triệu USD (chiếm 29,4% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 41,4% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 1,0 triệu USD (chiếm 8,5%), tăng 7,1%; chuối đạt 863,8 nghìn USD (chiếm 7,3%), tăng 224,4%; thanh long đạt 690,0 nghìn USD (chiếm 5,9%), tăng 132,0%; chanh đạt 629,0 nghìn USD (chiếm 5,4%), cao gấp 128,3 lần; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 02/2022

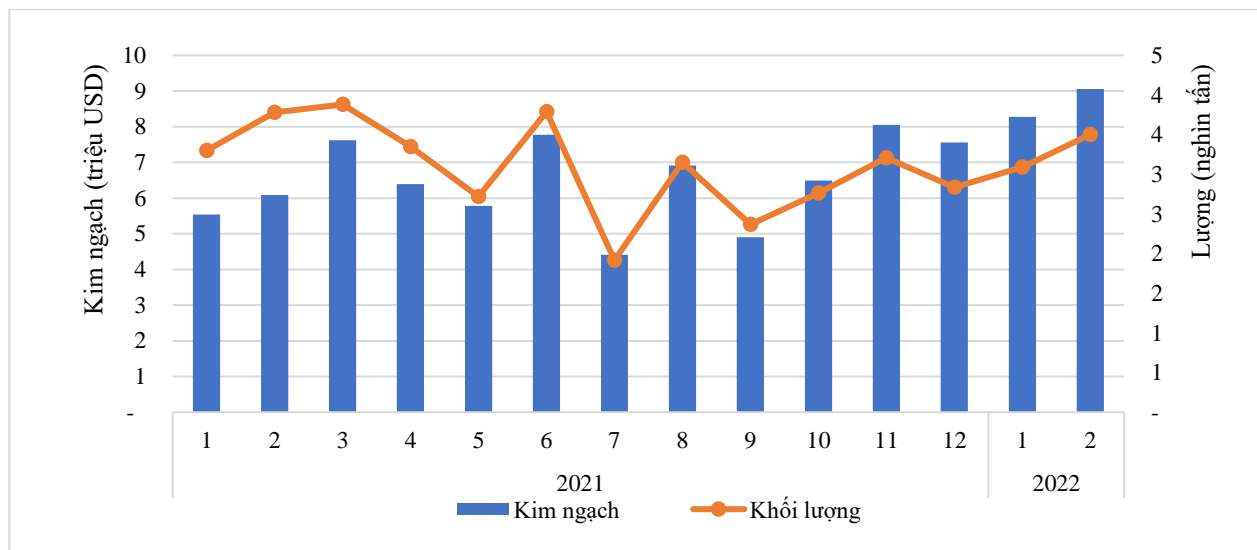
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 2 năm 2022 đạt 3,6 triệu USD, chiếm 3,9% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 10,7 triệu USD, chiếm 4,1% thị phần, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 2/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là dâu tây đạt 1,7 triệu USD (chiếm 47,2%), tăng 46,0% so với cùng kỳ năm 2021; rong biển đạt 862,6 nghìn USD (chiếm 24,3%), tăng 44,8%; nho đạt 283,8 nghìn USD (chiếm 8,0%), tăng 11,2%; lê đạt 278,4 nghìn USD (chiếm 7,8%), tăng 81,4; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 02/2022 ước đạt 3,5 nghìn tấn với trị giá 9,1 triệu USD, tăng 13,3% về lượng và 9,4% về giá trị so với tháng trước, và giảm 7,4% về lượng nhưng tăng 48,7% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

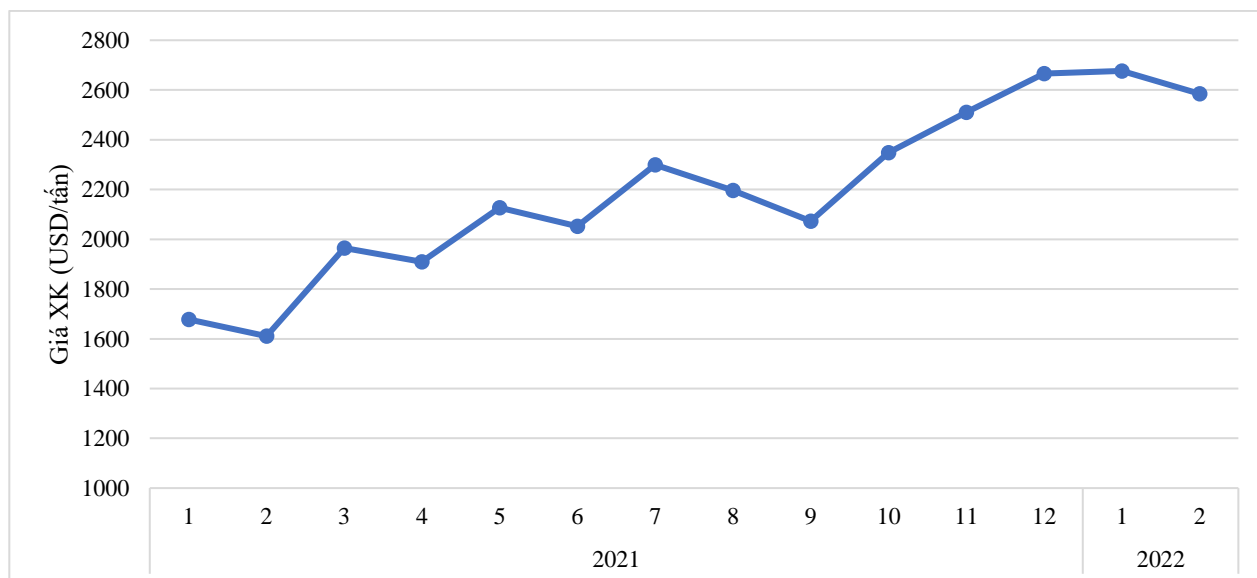
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 02/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.586 USD/tấn, giảm 3,4% so với tháng trước nhưng tăng 60,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc

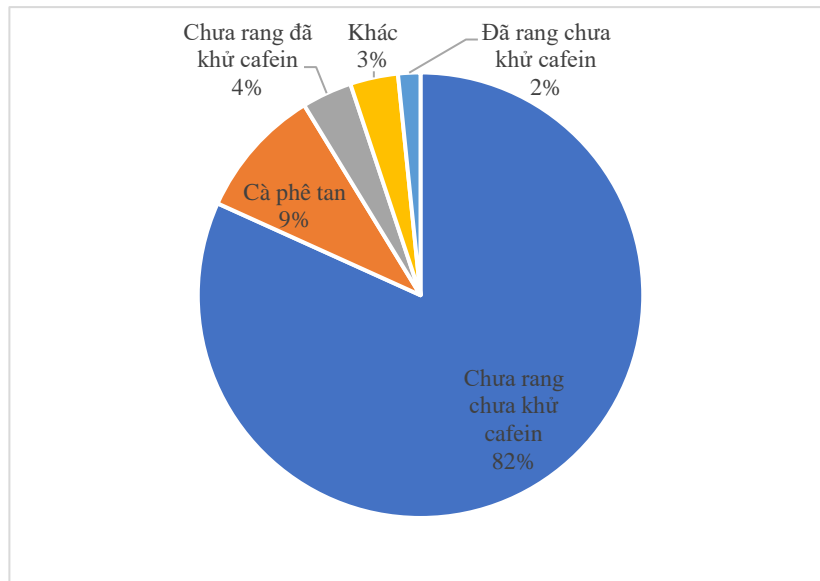


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 7,4 triệu USD, chiếm 81,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 859,9 nghìn USD, chiếm 9,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử cafein chiếm 3,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng

02/2022

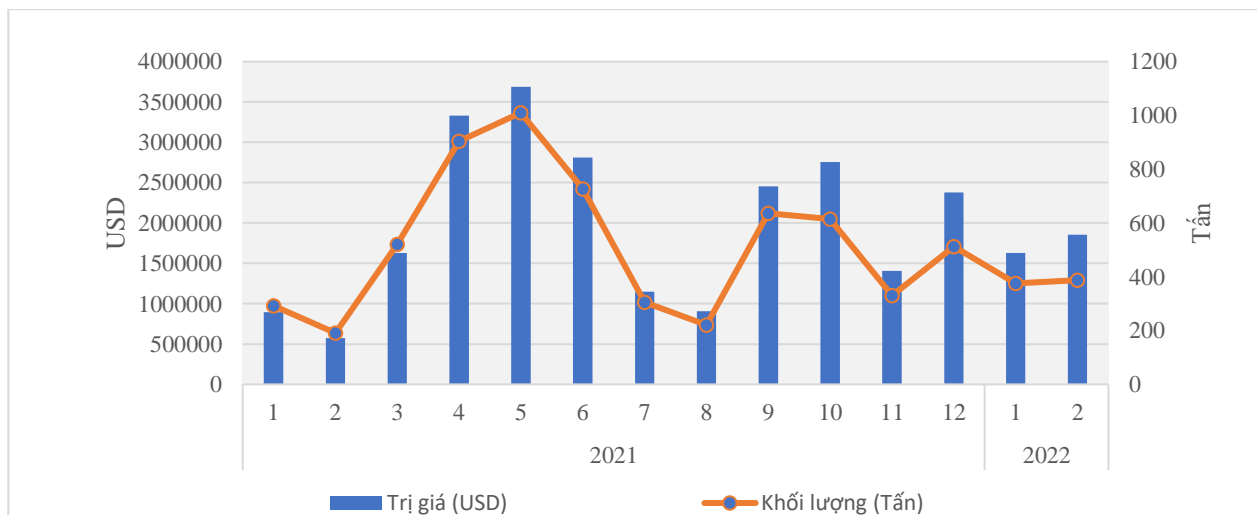


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 2/2022 đã sụt giảm mạnh so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam xuất khẩu được 388 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 1,85 triệu USD, tăng 3,19% về khối lượng và 13,8% về giá trị so với tháng trước và tăng 103% về khối lượng và 224% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

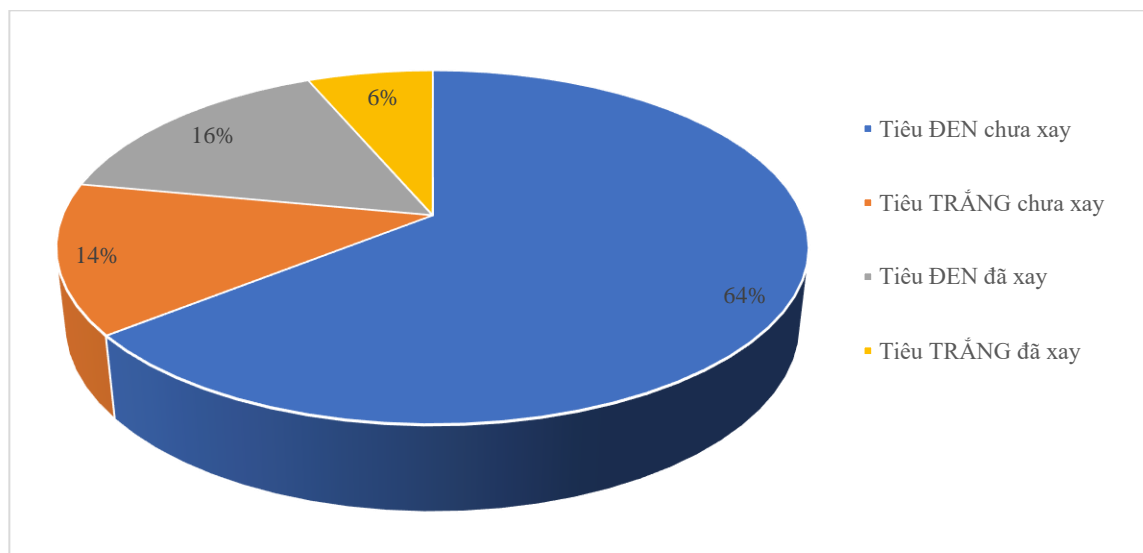
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 2/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 64% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 319% so với tháng trước nhưng giảm 3,36% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu trắng chưa xay, chiếm 14%, tăng 64% so với tháng trước và 187% so với cùng kỳ năm 2021.

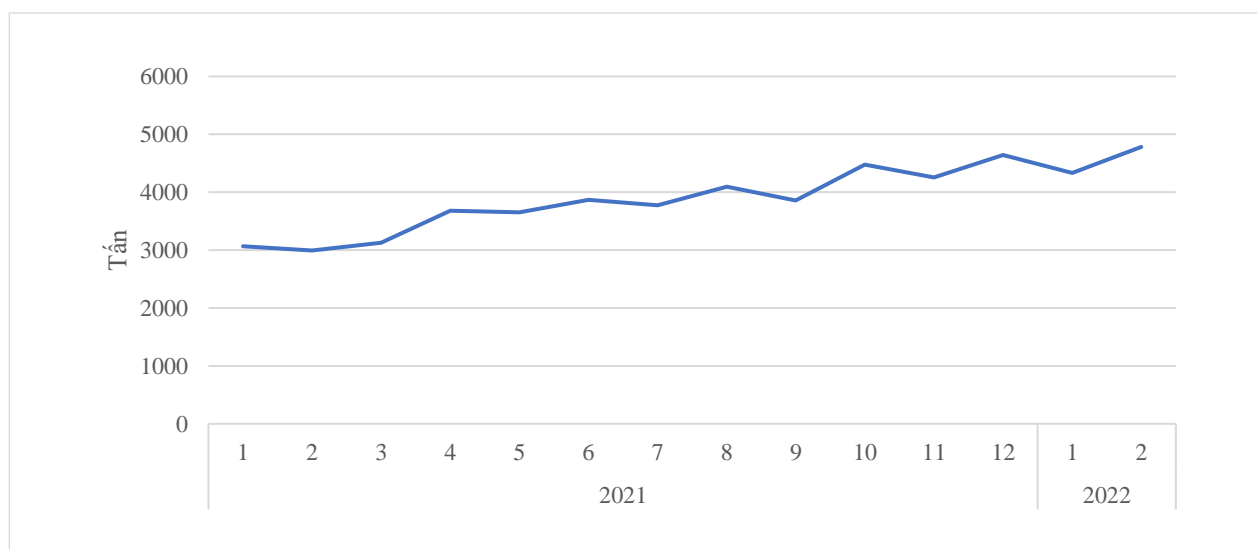
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 02/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 2/2022 đã tăng trở lại, đạt mức 4.782 USD/tấn, tăng 10,3% so với tháng trước và 58,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

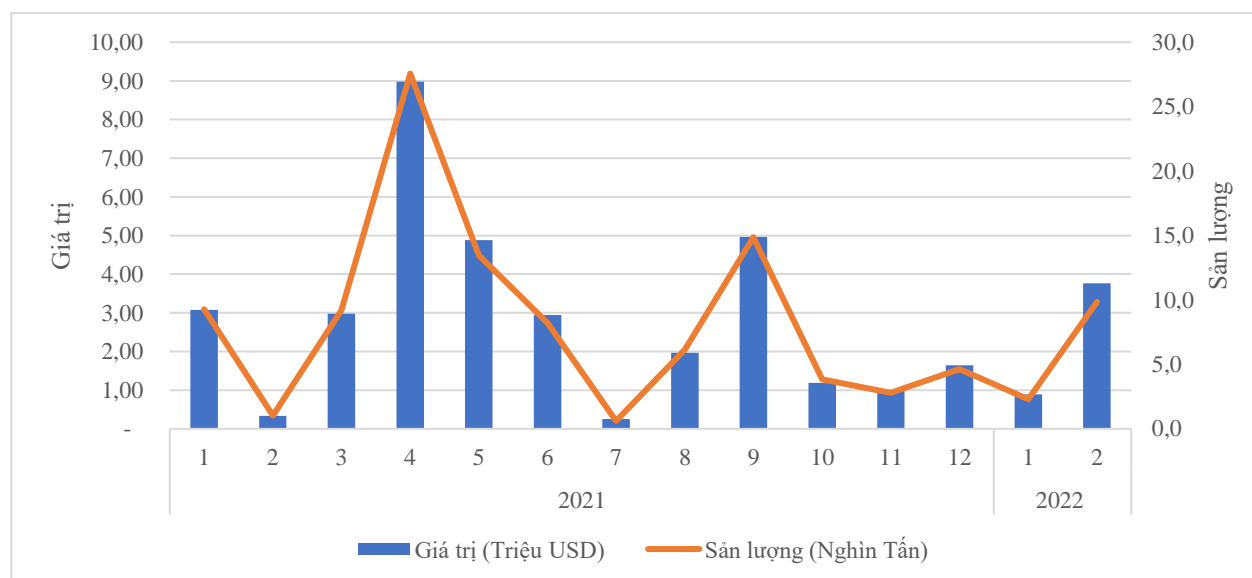


Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu được 9.855 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 3,8 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, tăng 329,0% về khối lượng và tăng 323,5% về giá trị so với tháng 1/2022; tăng 847,6% về khối lượng và tăng 1.013,7% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2022, khối lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường này đạt 12.152 tấn, trị giá đạt 4,7 triệu USD, tăng 17,5% về khối lượng và tăng 36,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

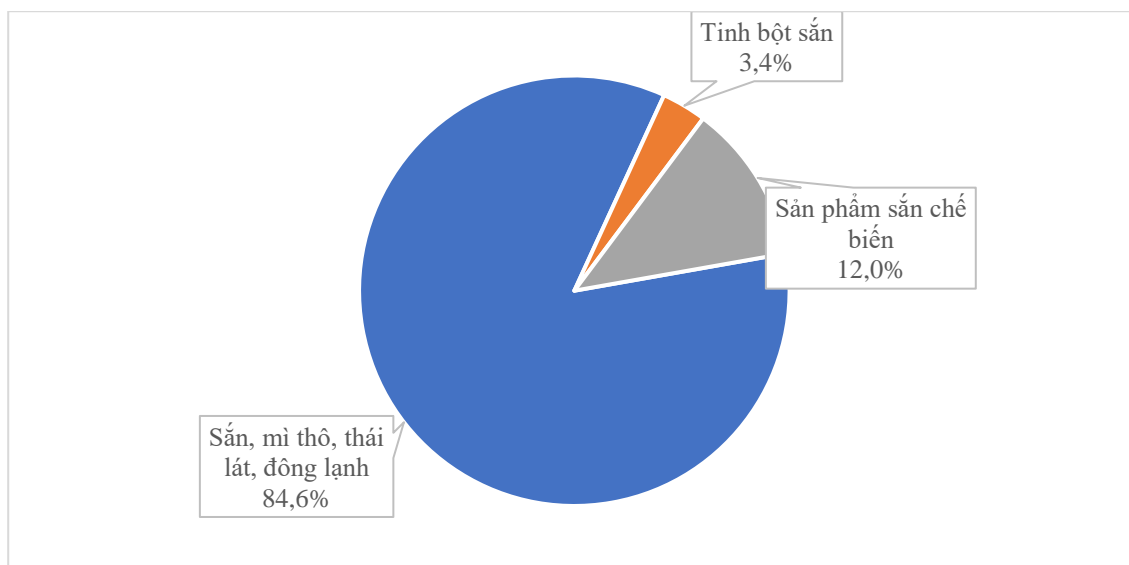
Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 4,0% về khối lượng và 3,7% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 2 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 3,2 triệu USD (chiếm 84,6% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), cao gấp 12,9 lần so với cùng kỳ năm 2021; tinh bột sản đạt 126,8 nghìn USD (chiếm 12,0%), tăng 47,5%; sản phẩm sản chế biến đạt 451,4 nghìn USD (chiếm 3,4%), cao hơn 84,3 lần so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc

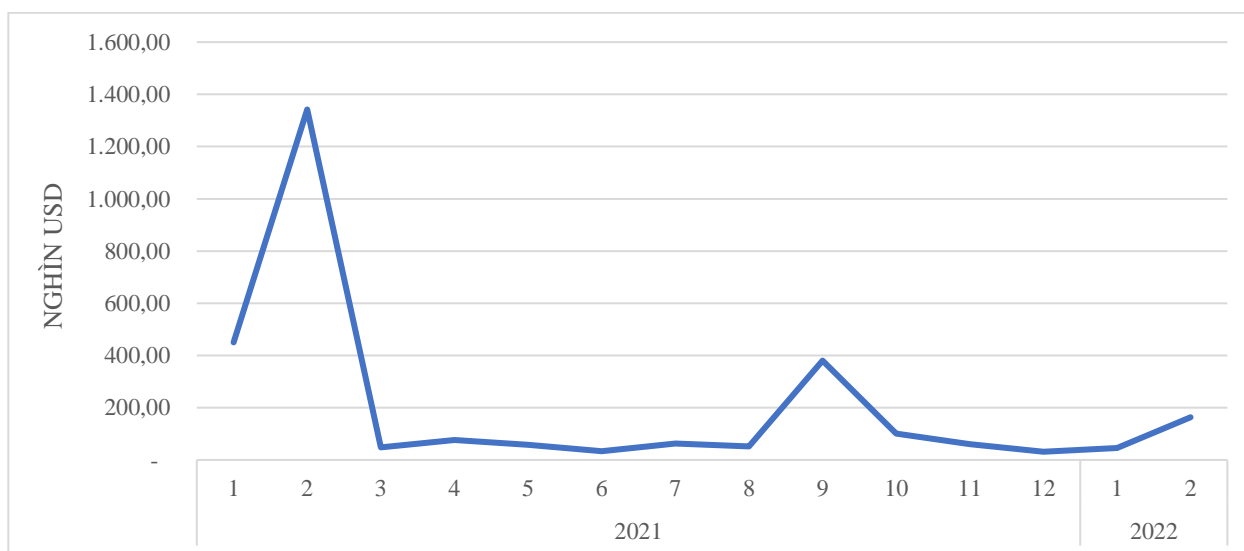


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Trong tháng 2/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 162,9 nghìn USD, tăng 45,3 % so với tháng 1/2021 nhưng giảm 89,9% so với tháng trước.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về sản phẩm xuất khẩu, thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.) là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 2/2022 chiếm 51,8% , đạt 84,4

nghìn USD; thịt và phụ phẩm giết mổ gia cầm đạt 48,9 nghìn USD, chiếm 30%; thịt khác đạt 29,7 nghìn USD, chiếm 18,2%.

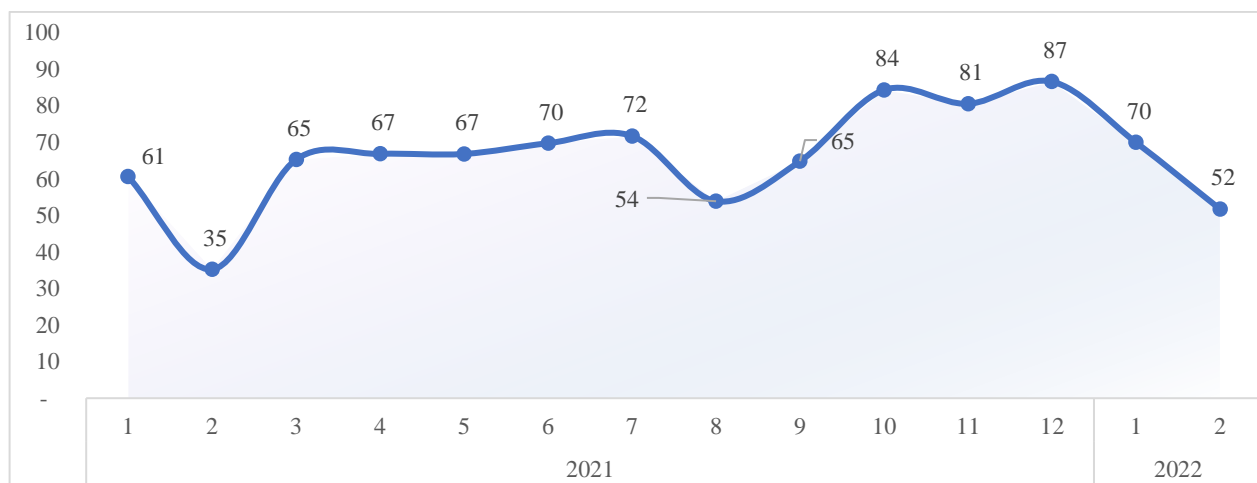
Về nhập khẩu, trong tháng 2/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 3,7 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, giảm 33,5% so với tháng trước, nhưng tăng 117,1% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến.

7. THỦY SẢN

Theo fishretail.ru, trong 2 tháng đầu năm, giá trị nhập khẩu cá tuyết vào Hàn Quốc đạt 14,16 triệu USD, cao hơn 123% so với 6,35 triệu USD cùng kỳ năm trước và giá nhập khẩu trung bình là 4,05 USD/kg, cao hơn 61% so với 2,50 USD/kg cùng kỳ năm trước. Cùng kỳ năm trước. Theo đó, các nhà cung cấp cá tuyết đông lạnh chính cho Hàn Quốc trong 2 tháng đầu năm nay là Nga, Mỹ và Trung Quốc, với 97% (3.398 tấn) nhập khẩu từ Nga, 2% (73 tấn) từ Mỹ và 0,7% (24 tấn) từ Trung Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 2/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 51,7 triệu USD, tăng 48,6% so với cùng kỳ năm 2021, và giảm 26% so với tháng trước. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, chiếm 8,1% thị phần xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng 2/2022. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 59,8% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 20,8%.

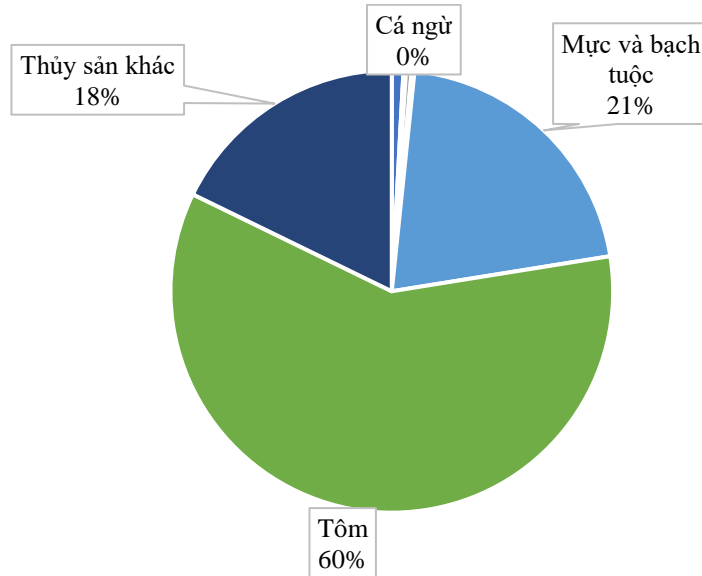
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 2/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng giảm so với với tháng trước, giảm 26%. Trong đó, giảm mạnh nhất là cá ngừ giảm tới 55%; mực và bạch tuộc giảm 45,2%; cua gẹ giảm 29%; cá da trơn giảm gần 21%.

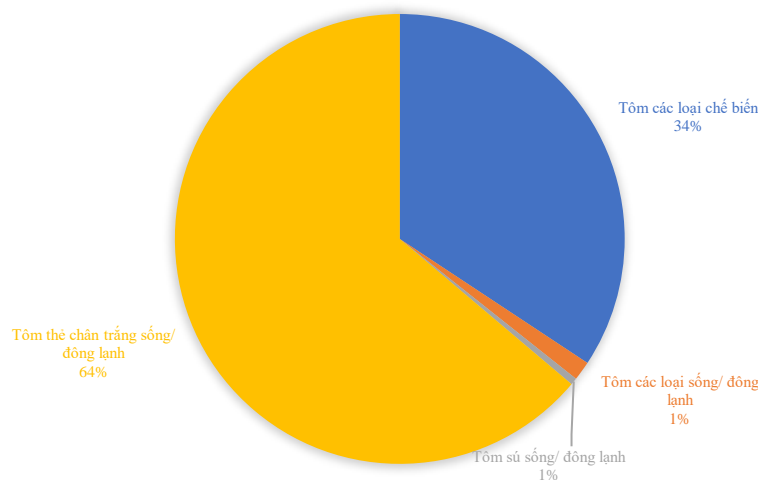
Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 02/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 2/2022 đạt 30,9 triệu USD, chiếm 59,8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 78,2% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 63,8%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 34,3% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 02/2022

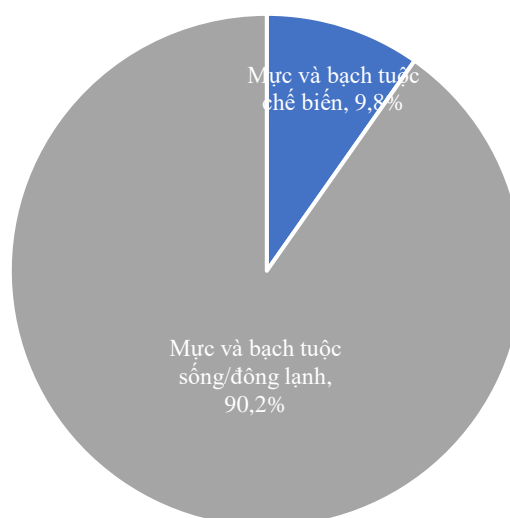


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 2/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 19,7 triệu USD tăng 126,1% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 10,6 triệu USD, tăng 78,2%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,4 triệu USD, giảm 14,2%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,2 triệu USD, giảm 36,8%

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 2 năm 2022 đạt 10,8 triệu USD, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 9,7 triệu USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 1,1 triệu USD, tăng 17,9%.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 02/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 2/2022: Cá da trơn đạt 0,4 triệu USD, tăng 191,4% so với cùng kỳ năm trước; cá rô phi đạt 0,2 triệu USD, tăng 61,6%; cua – ghẹ đạt 0,1 triệu USD, tăng 789,6%; cá ngừ đạt 0,1 triệu USD tăng 850,1%;

Tháng 2/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,8 USD/kg, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 9 USD/kg, tăng 3%.

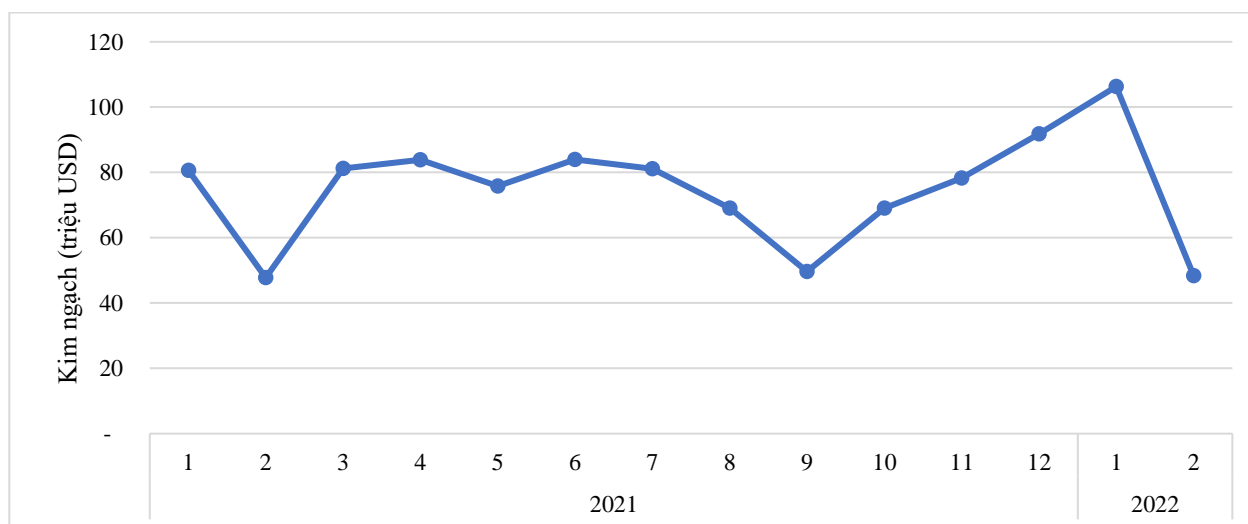
Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 02/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,0	16,1%	-9,5%
2	Cá rô phi	3,2	24,3%	14,2%
3	Cua, ghe	5,6	-6,6%	6,5%
4	Mực và bạch tuộc	9,0	3,0%	-6,3%
5	Tôm	8,8	4,4%	3,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

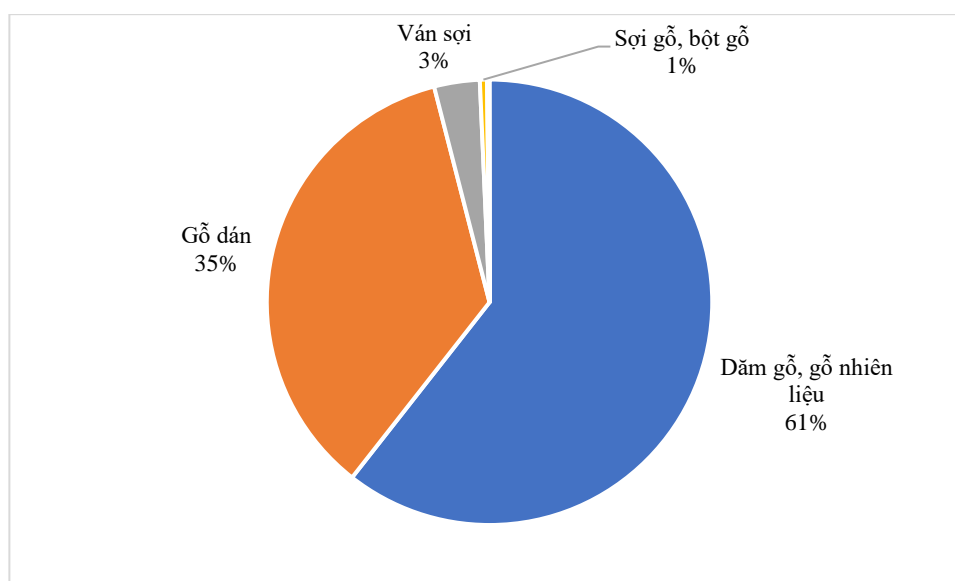
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 48,4 triệu USD, giảm 54,5% so với tháng trước nhưng tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 02/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 22,0 triệu USD, chiếm 60,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 12,9 triệu USD, chiếm 35,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 3,3% và 0,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 20: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 02/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

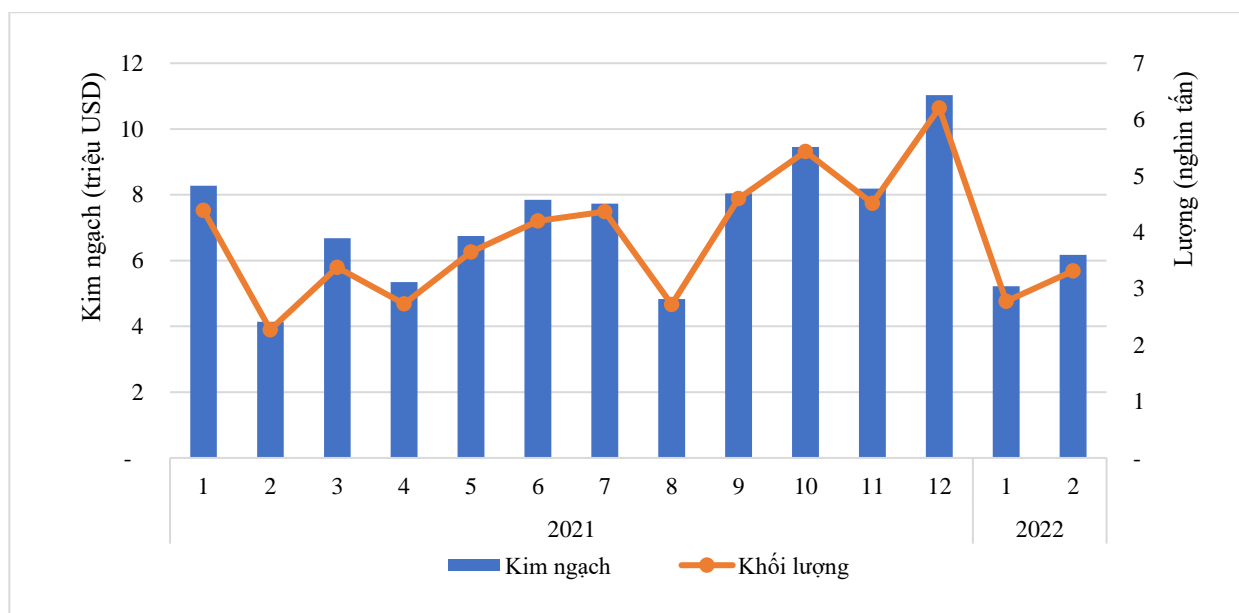
9. CAO SU

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 2 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc đã nhập khẩu 84.200 tấn cao su với các mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005; trị giá 177,74 triệu USD, giảm 0,4% về lượng, nhưng tăng 8,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Đặc biệt, Thái Lan, Indonesia, Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản là 5 thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Hàn Quốc. Sau 2 tháng năm 2022, kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường này đạt 8.220 tấn, trị giá 15,31 triệu USD, tăng 10,4% về lượng và tăng 7,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Đáng lưu ý, thị phần cao su Việt Nam chiếm 9,8% trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hàn Quốc, tăng so với mức 8,8% cùng kỳ năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 3,3 nghìn tấn với trị giá 6,2 triệu USD, tăng 19,6% về khối lượng và 18,3% về giá trị so với tháng trước, và tăng 45,9% về khối lượng và 49,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

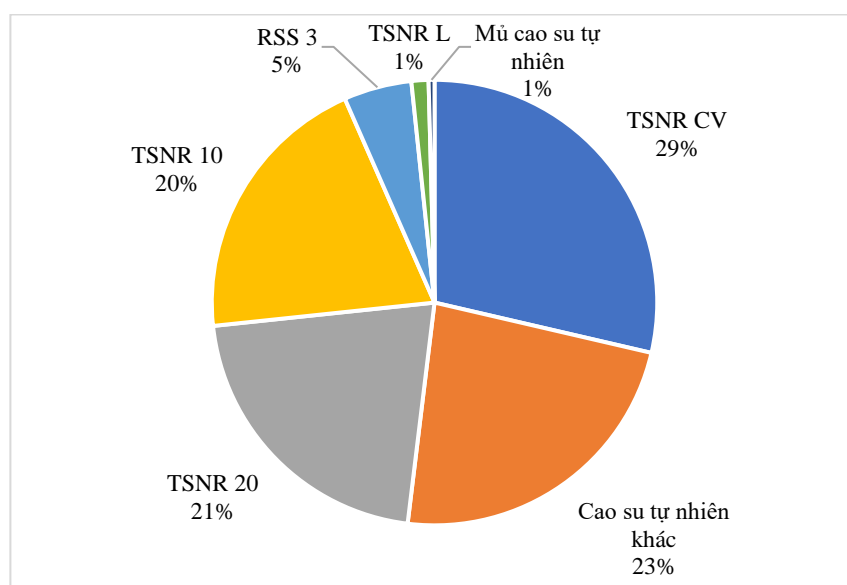
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,8 triệu USD, chiếm 28,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR 20 với kim ngạch 1,3 triệu USD, chiếm 21,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10 và RSS 3 chiếm lần lượt 20,1% và 4,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

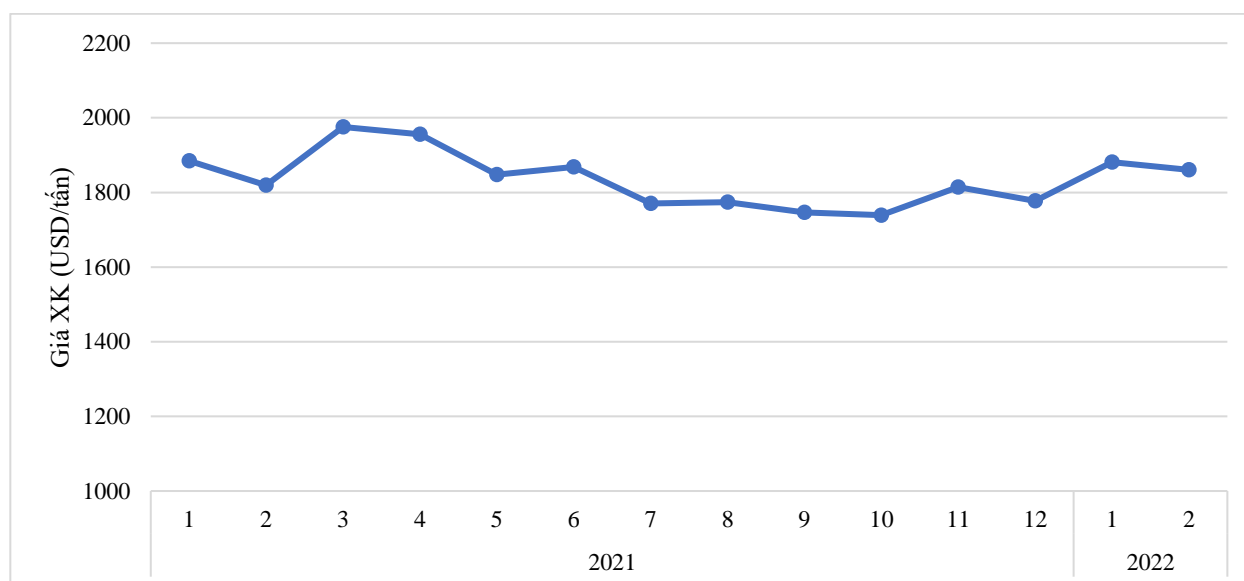
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 02/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.860 USD/tấn trong tháng 02/2022, giảm 1,1% so với tháng trước, nhưng tăng 2,2% so với cùng kỳ 2021.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo dự đoán mới nhất của USDA ra vào tháng 12/2021, tổng nhập khẩu cà phê các loại của Hàn Quốc niên vụ 2021/2022 không đổi so với niên vụ 2020/2021 ở mức 3.050 nghìn bao, trong đó nhập khẩu cà phê nhân là 2.700 nghìn bao, nhập khẩu cà phê rang xay là 350 nghìn tấn, tiêu thụ nội địa là 3,05 triệu bao.

2. Cao su

Những dự báo cho thấy nhu cầu cao su trên thế giới vẫn đang có xu hướng tăng lên. Thông tin từ Hiệp hội Các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), cho hay, việc nới lỏng các hạn chế liên quan đến đại dịch Covid-19 như mở lại biên giới của một số quốc gia và nối lại các hoạt động kinh tế sẽ góp phần đáng kể vào sự phục hồi nhu cầu cao su trong năm 2022. Vì vậy, triển vọng ngành cao su toàn cầu trong năm 2022 sẽ rất sáng, giá bán sẽ tiếp tục giữ ở mức cao.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 02/2022

STT	Sản phẩm	T02/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T02/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	9.057.122	48,68%	6,27%
2	Cao su	6.176.352	49,20%	4,27%
3	Gỗ và SP gỗ	48.354.155	1,25%	33,45%
4	Hàng rau quả	11.754.191	54,53%	8,13%
5	Hàng thủy sản	51.749.137	46,82%	35,80%
6	Hạt tiêu	1.855.538	224,52%	1,28%
7	Phân bón các loại	2.833.636	44,23%	1,96%
8	Mây tre đan	1.051.635	-6,73%	0,73%
9	SP từ cao su	6.604.822	54,13%	4,57%
10	Sắn và SP từ sắn	3.762.176	1013,67%	2,60%
11	TAGS & NL	1.339.526	13,95%	0,93%
Tổng XK NLTS		144,538,290		100,00%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 02/2022**

TT	Loại sản phẩm	Tháng 02/2021		Tháng 02/2022		So sánh 2022/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	13	7.878	38	18.428	192,3%	133,9%
2.	Gạo nếp	3	1.750	4	2.060	33,3%	17,7%
3.	Các loại gạo khác	10.551	5.435.866	2	980	-100,0%	-100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 02/2022

Mặt hàng	T02/2021 (USD)	T02/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	5.055.143	7.402.828	46,44%
Cà phê tan	259.947	859.924	230,81%
Khác	212.396	315.209	48,41%
Đã rang chưa khử cafein	375.919	146.576	-61,01%
Chưa rang đã khử cafein	185.160	329.757	78,09%
Tổng	6.088.565	9.054.294	48,71%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 02/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 02/2021	Tháng 02/2022	So sánh 2022/2021
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	7.606.483	11.754.191	54,5%
1	Hạt mè	2.443.193	3.455.140	41,4%
2	Xoài	937.135	1.003.347	7,1%
3	Chuối	266.240	863.761	224,4%
4	Thanh long	297.435	690.022	132,0%
5	Chanh	4.903	629.041	12.728,8%
6	Dừa	237.447	375.065	58,0%
7	Khác	3.420.129	4.737.815	38,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 02/2022

TT	Sản phẩm	T02/2021 (USD)	T02/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	246.504	3.184.000	1191,7%
2	Tinh bột sắn	85.960	126.795	47,5%
3	Sản phẩm sắn chế biến	5.355	451.381	8329,1%
	Tổng giá trị XK	337.819	3.762.176	1013,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 02/2022

Loại sản phẩm	Tháng 02/2022 (USD)	Tháng 02/2021 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	436.656,3	228.126,6	91,4%
Cá ngừ	94.400,0	9.936,0	850,1%
Cá rô phi	212.397,9	131.411,8	61,6%
Cua, ghe	105.858,6	11.900,0	789,6%
Mực và bạch tuộc	10.774.808,6	9.146.740,5	17,8%
Tôm	30.921.753,6	17.353.687,1	78,2%
Thủy sản khác	9.203.262,1	8.363.847,0	10,0%
Tổng	51.749.137,0	35.245.649,0	46,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan